

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H T
TỈNH T NINH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H T

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thanh Phong

2/ Ông Võ Quang Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T tham gia phiên tòa:

Bà Trần Kim Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Y - sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 85, Tổ 21, ấp Trường An, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Duy T - sinh năm 1986; Địa chỉ: Số D31/3A, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh T Ninh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Y trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau năm 2010, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường T, thị xã H T, quá trình sống chung anh T không quan T lo cho vợ con, mẹ con chị về cha mẹ ruột ở từ khi chị sinh con nhỏ đến nay, anh T chỉ đến thăm mấy ngày rồi không đến nữa, khi con còn nhỏ cũng bỏ bê không quan T, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Có 04 con chung tên Phan Thị Y N, sinh năm 2010, Phùng Thị Kim H, sinh năm 2017, Phùng Quang H, sinh năm 2019, Phùng Hải Đ, sinh năm 2021. Chị Y yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 04 người con.

Tài sản chung không có không yêu cầu giải quyết, nợ chung không nợ ai.

Đối với anh Phùng Duy T là bị đơn, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng anh T không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Y, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, con chung giao cho chị Y nuôi con, buộc anh T cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; tài sản không yêu cầu, nợ chung khai không có; tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Y là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với anh Phùng Duy T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng vào Điều 227, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Y và anh Phùng Duy T chung sống với nhau vào năm 2010, Đ ký kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T Ninh, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung theo chị Y, vợ chồng sống chung thường xuyên mâu thuẫn do anh T không quan tâm lo cho vợ con, nên yêu cầu được ly hôn. Đối với anh T, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Y cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên tòa, nên không có ý kiến. Do đó, giữa chị Y và anh T sống chung xảy ra mâu thuẫn, từ khi chị Y và 03 con chung về nhà cha mẹ ruột của chị Y để chị Y sinh con thứ tư đến nay, anh T chỉ đến được mấy ngày chị Y mới sinh con rồi từ đó đến nay không quan tâm đến, theo chị Y khi chị chưa sinh con thì anh T nói sau khi sinh con xong anh đón vợ con về bên gia đình chồng sống, nhưng anh T không thực hiện và cũng không quan tâm hỏi thăm đến vợ con nữa, hiện nay anh T đi làm gì và sống ở đâu chị Y không biết, vì không liên lạc được với anh T, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nên mâu thuẫn giữa chị Y và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 04 con chung tên Phan Thị Y N, sinh năm 2010, Phùng Thị Kim H, sinh năm 2017, Phùng Quang H, sinh năm 2019, Phùng Hải Đ, sinh năm 2021. Chị Y yêu cầu tiếp tục nuôi hết con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 04 người con. Qua hỏi nguyên vọng của cháu N, cháu có nguyện vọng được sống với chị Y cùng 03 người em, nên cần giao cho chị Y tiếp tục nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, theo chị Y yêu cầu cấp dưỡng mỗi con chung 500.000 đồng/tháng, vì hiện nay anh T làm gì sống ở đâu chị Y không biết, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Y, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 500.000 đồng/tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Chị Y khai không có và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[6]. Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn” của chị Phan Thị Y đối với anh Phùng Duy T.

Chị Phan Thị Y và anh Phùng Duy T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng bốn con chung: Phan Thị Y N - sinh ngày 29/9/2010, Phùng Thị Kim H - sinh ngày 07/3/2017, Phùng Quang H - sinh ngày 03/9/2019, Phùng Hải Đ - sinh ngày 20/12/2021.

Anh T cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Phan Thị Y N, cháu Phùng Thị Kim H, cháu Phùng Quang H và cháu Phùng Hải Đ mỗi cháu 500.000 đồng/tháng, tính từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu N, cháu H, cháu H và cháu Đ đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng người phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Tài sản chung: Chị Y không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020784 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H Thành, chị Y đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các T viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Phong – Võ Quang Truyền

Nguyễn Thị Thịnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- THADS thị xã Hòa Thành;;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh

